

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 283/2017/HNGĐ-ST

Ngày 07/9/2017

V/v “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN – TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Bà Võ Thị Lan

2/Bà Lương Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên TAND thị xã Điện Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn: Bà Đỗ Thị Thương – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:188/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13/6/2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ T- Sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

2/Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng N- Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Trọng N kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi

nhau về vấn đề tiền bạc, ông N không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình vợ, con, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay, bà T sống tại nhà cha mẹ ruột, ông N tự ý bỏ vợ, con về nhà cha mẹ ông N sống. Trong thời gian sống ly thân, ông N không đến thăm hỏi và động viên vợ, con về chung sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Trọng K – Sinh ngày 17/9/2015, con chung hiện nay đang sống cùng bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Trọng N trình bày tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Trọng N kết hôn vào ngày 17 tháng 4 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà cha, mẹ bà T tại xã Đ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng về sau thì thường xuyên cãi vã nhau và mâu thuẫn phát sinh, bà T luôn muốn dành phần hơn về mình, ông N là chồng nhưng không có ý kiến riêng. Vợ, chồng cãi vã và ông N bỏ vợ, con về nhà cha, mẹ ông tại xã Đ sống riêng từ tháng 02/2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân do bận công việc làm ăn nên ông N không điện thoại hỏi thăm vợ, con và cũng không động viên vợ về chung sống. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông N đồng ý ly hôn với điều kiện bà T phải giao con cho ông N nuôi.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng K – Sinh ngày 17/9/2015, con sống cùng bà T từ nhỏ đến nay, nếu ly hôn ông N yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thẩm tra viên và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông Nguyễn Trọng N được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà Trần Thị Lệ T được ly hôn ông Nguyễn Trọng N, giao con chung Nguyễn Trọng K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông N được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị Lệ T yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Nguyễn Trọng N, căn cứ Khoản 1, Điều 28, Điểm a, Khoản 1, Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Nguyễn Trọng N hiện nay cư trú tại xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2, Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Trọng N kết hôn với nhau vào ngày 17 tháng 4 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Trọng N hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ, chồng không tự vun đắp và gìn giữ hạnh phúc gia đình, không nhường nhịn nhau dẫn đến cãi vã và phát sinh mâu thuẫn. Bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn, ông N đồng ý ly hôn với điều kiện phải giao con cho ông nuôi. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Sau khi cưới nhau vợ chồng bà T, ông N về chung sống tại nhà cha, mẹ bà T tại Thôn 2 T, xã Đ. Trong quá trình chung sống vợ, chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn phát sinh. Ông N tự ý bỏ vợ, con về nhà cha, mẹ tại xã Đ sống riêng từ tháng 02/2017 đến nay, ông N yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ, nhưng bản thân ông không chịu quay về chung sống cùng bà T và cũng không động viên bà T về chung sống cùng ông, trong thời gian sống ly thân, ông N không điện thoại hoặc đến động viên thăm hỏi vợ, con và ông N cũng đồng ý ly hôn nhưng ra điều kiện bà T phải giao con cho ông nuôi. Trong trường hợp này xét thấy vợ chồng bà T, ông N tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt và thực tế hai người không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2017 đến nay. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận, xử cho bà T được ly hôn với ông N phù hợp với Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung Nguyễn Trọng K – Sinh ngày 17/9/2015. Con chung hiện nay đang sống cùng bà T. Bà T và ông N đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn, cả hai hiện nay có đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Theo Khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi....”, cháu K hiện nay dưới 36 tháng tuổi, còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, hơn nữa cháu K sống cùng bà T từ nhỏ đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu K vẫn sống cùng bà

T, được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Ông N yêu cầu nuôi con chung nhưng trong thời gian vợ, chồng không sống chung hơn 7 tháng nay ông N không đến thăm con, không đóng góp kinh tế cùng bà T nuôi con. Điều đó chứng tỏ ông N chưa thể hiện được vai trò, trách nhiệm làm cha của mình. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con, đồng thời giữ nguyên môi trường sống của con, HĐXX cần phải giao cháu K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về khoản cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên HĐXX không xét. Ông N được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xét

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 4, Điều 147 BLTTDS thì bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28, Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Điểm a, Khoản 1, Điều 39, Khoản 4, Điều 147, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, Khoản 1, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phí và lệ phí, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ T đối với ông Nguyễn Trọng N về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1/Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Lệ T và ông Nguyễn Trọng N.

2/Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con

Giao con Nguyễn Trọng K – Sinh ngày 17/9/2015 cho bà Trần Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. (Nguyễn Trọng K hiện nay đang sống cùng bà Trần Thị Lệ T)

Bà Trần Thị Lệ T không yêu cầu ông Nguyễn Trọng N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Trọng N được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4/ Về án phí: Bà Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0008481, ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Trần Thị Lệ T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKS, THA;
- Công an TX Điện Bàn;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung